



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TỈNH LÀO CAI

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

1. Bồi dưỡng năng lực phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới	5
<i>Nguyễn Thị Tĩnh</i>	
2. Từ mô hình quản lý của Henry Mintzberg - suy nghĩ về bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	11
<i>Hoàng Văn Dương</i>	
3. Bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục phổ thông	20
<i>Nguyễn Khải Hoàn</i>	
4. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tại tỉnh Hà Tĩnh hiện nay	27
<i>Nguyễn Thu Hiền</i>	
5. Trường Đại học Sư phạm trong việc bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	33
<i>Phạm Thị Kim Anh, Bùi Thị Hạnh</i>	
6. Đổi mới quá trình bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao hiệu quả bồi dưỡng	40
<i>Nguyễn Thanh Bình</i>	
7. Tổ chức hoạt động bồi dưỡng giáo viên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	47
<i>Trịnh Phi Hoàng, Văn Thị Huyền</i>	
8. Mô hình phát triển đội ngũ giảng viên trong các trường Cao đẳng – Đại học	53
<i>Hoàng Hữu Tân</i>	
9. Bồi dưỡng giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay – kinh nghiệm từ thực tiễn	62
<i>Đỗ Hồng Thái</i>	
10. Mô hình bồi dưỡng giáo viên của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	70
<i>Cao Thị Hà</i>	
11. Định hướng cho sinh viên ngành ngữ văn tiếp nhận tác phẩm của Antôn Sêkhốp	78
<i>Dương Thị Ngữ, Phạm Thị Liên</i>	
12. Bồi dưỡng giáo viên: Quan điểm và kinh nghiệm quốc tế	89
<i>Mai Quang Huy</i>	
13. Xây dựng và tổ chức dự án học tập nhằm bồi dưỡng năng lực biểu diễn toán học và giao tiếp toán học cho học sinh trong dạy học môn toán trung học cơ sở	96
<i>Vũ Thị Bình</i>	

14. Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên tỉnh Lào Cai đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	103
<i>Đặng Thị Oanh, Lê Quốc Thắng</i>	
15. Một số vấn đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông mới	108
<i>Nguyễn Mậu Đức</i>	
16. Khai thác Google Earth trong dạy học địa lí theo hướng tích cực	115
<i>Đỗ Vũ Sơn, Chu Thị Kiều Trinh</i>	
17. Nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên các trường tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Lào Cai	121
<i>Đới Thị Thu Thủy</i>	
18. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi dân tộc H'mông	127
<i>Giàng Thị Gấm</i>	
19. Quy trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu giáo dục Phổ Thông	132
<i>Hà Mỹ Hạnh</i>	
20. Bồi dưỡng năng lực dạy học chính trị cho giáo viên tiểu học tỉnh Lào Cai	139
<i>Hoàng Thị Bảo Ngọc</i>	
21. Tăng cường rèn luyện một số kỹ năng sư phạm cần thiết qua môn lí luận và phương pháp dạy học bộ môn cho sinh viên ngành giáo dục chính trị tại trường đại học Hà Tĩnh	145
<i>Đào Thị Thuý</i>	
22. Nhìn lại bảy thập kỷ xây dựng và phát triển ngành học sư phạm Việt Nam hướng tới đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2017	150
<i>Lê Thị Cẩm Nhung, Đinh Thị Hồng Liên</i>	
23. Một số biện pháp nâng cao năng lực dạy trẻ làm đồ chơi bằng nguyên vật liệu mở	156
<i>Lê Thị Lượng</i>	
24. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình đào tạo sinh viên đại học Sư Phạm Thái Nguyên	161
<i>Mai Văn Cẩn</i>	
25. Một số vấn đề về phát triển đội ngũ trường bộ môn các trường/ khoa Đại học Sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	166
<i>Nguyễn An Hòa</i>	
26. Nâng cao chất lượng giáo dục STEM ở các trường tiểu học tỉnh Tuyên Quang	176
<i>Nguyễn Danh Nam, Lê Trung Hiếu</i>	
27. Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình giáo dục cho giáo viên ở trường trung học phổ thông	186
<i>Nguyễn Thị Bích</i>	

28. Thực trạng quản lý đội ngũ giáo viên trường trung học cơ sở Kim Đồng, thành phố Hà Long, Quảng Ninh	192
<i>Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thu Lương</i>	
29. Một số phương pháp nghiên cứu văn học dân gian theo hướng tiếp cận năng lực người học dành cho giáo viên giảng dạy ngữ văn trong nhà trường phổ thông.....	202
<i>Nguyễn Thị Dung</i>	
30. Bồi dưỡng tại chỗ thông qua mạng internet – Xu hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trong thời đại công nghệ thông tin.....	210
<i>Nguyễn Thị Kim Dung</i>	
31. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên giáo dục công dân cấp trung học phổ thông.....	215
<i>Nguyễn Thị Khương, Hoàng Thị Chiên, Nguyễn Quang Lanh, Nguyễn Thị Liên</i>	
32. Hợp tác học tập để phát triển năng lực nghề nghiệp của giảng viên ngữ văn trường đại học cần thơ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	221
<i>Nguyễn Thị Nhung</i>	
33. Nghiên cứu truyện kể dân gian việt nam từ góc độ type và motif (trường hợp so sánh truyện cổ tích thần kỳ của người việt và người Khmer Nam bộ)	228
<i>Nguyễn Thị Nhung</i>	
34. Bồi dưỡng giáo viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông.....	235
<i>Nguyễn Mậu Đức, Nguyễn Thị Phương Thủy</i>	
35. Bồi dưỡng giảng viên cao đẳng sư phạm Điện Biên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.....	241
<i>Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Phương Thủy</i>	
36. Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho đội ngũ giáo viên trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	245
<i>Nguyễn Thị Thu Thơm</i>	
37. Một số vấn đề về bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai	251
<i>Nguyễn Thị Xuân</i>	
38. Giải pháp nâng cao hiệu quả bồi dưỡng năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý trường phổ thông hiện nay	254
<i>Nguyễn Văn Diệp</i>	
39. Bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cần thiết cho giáo viên giáo dục công dân ở trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.....	260
<i>Thái Hữu Linh, Trần Thanh An</i>	

40. Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trung học cơ sở ở huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay267
Trần Ngọc Cỏ
41. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lí luận chính trị - kinh nghiệm từ trường đại học Hà Tĩnh.....275
Trần Nguyên Hòa
42. Thiết kế hoạt động rèn luyện kỹ năng dạy học khái niệm và tính chất toán học cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học ở trường đại học tân trào theo tiếp cận học hợp tác281
Trần Xuân Bộ
43. Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng bồi dưỡng giáo viên thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông288
Đặng Danh Hương, Hoàng Thu Thảo
44. Bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp môn tiếng việt cho giáo viên tiểu học tại trường đại học Tân Trào293
Bùi Ánh Tuyết

NGHIÊN CỨU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VIỆT NAM TỪ GÓC ĐỘ TYPE VÀ MOTIF
(TRƯỜNG HỢP SO SÁNH TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ CỦA NGƯỜI VIỆT
VÀ NGƯỜI KHMER NAM BỘ)

Nguyễn Thị Nhung^(*)

Tóm tắt: Phương pháp nghiên cứu so sánh là một phương pháp nghiên cứu cơ bản và được áp dụng khá phổ biến trong ngành folklore học. Đặc biệt, phương pháp này tỏ ra rất hiệu quả trong việc tiếp cận hướng nghiên cứu văn hóa - văn học. Việc lựa chọn so sánh truyện cổ tích thần kỳ người Việt với truyện cổ tích thần kỳ Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long từ góc độ type và motif là một hướng tiếp cận so sánh vừa phù hợp với bản chất loại hình và hứa hẹn nhiều phát hiện thú vị và bổ ích.

Từ khóa: So sánh, cổ tích thần kỳ, type, motif.

Abstract: Comparative research methodology is a basic research method and is widely applied in the field of folklore. Particularly, this method is extremely efficient in approaching the direction of the culture - literature study. Choosing to compare Vietnamese fairy tales and fairy tales of Khmer people in the Mekong Delta from the perspective of types and motifs is a comparative approach that is appropriate for the nature of fairy tales and help researchers discover various interesting and useful findings.

Keywords: Comparison, fairy tales, type, motif.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu truyện kể dân gian theo type và motif là một hướng nghiên cứu xuất hiện khá sớm trong lịch sử các phương pháp nghiên cứu folklore thế giới. Ở Việt Nam, trong quá trình vận dụng, hướng nghiên cứu này cũng đã có những bước phát triển khác nhau đạt và được những thành tựu nhất định. Trong bài viết này, bên cạnh việc tổng hợp các hướng vận dụng lý thuyết type và motif của các nhà nghiên cứu Văn học dân gian của Việt Nam chúng tôi đưa ra hướng nghiên cứu so sánh truyện cổ tích thần kỳ người Việt và Truyện cổ tích thần kỳ của người Khmer Nam bộ từ góc độ type và motif. Hy vọng bài viết sẽ là một tài liệu để các nhà nghiên cứu có cùng định hướng tiếp cận Truyện kể dân gian Việt Nam thể tham khảo.

2. Nội dung

2.1. Các hướng nghiên cứu type và motif ở Việt Nam

2.1.1. Vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thomps

Trong bài viết “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khả năng và bất cập” PGS.TS. Trần Thị An đã nhận định: Công trình thứ nhất đến công trình thứ ba của Antti Aarne và Stith Thomps chứng tỏ rằng đã có một bước tiến rất xa trong quan điểm học thuật của trường phái Phần Lan. Sự ứng dụng phương pháp type và motif trong biên soạn các bảng tra cứu văn học dân gian và nghiên cứu văn học dân gian có một sức lan tỏa rất lớn. Nó không chỉ đẩy lên phong trào nghiên cứu ở trường Indiana mà còn xâm nhập khá sâu vào giới nghiên cứu folklore thế giới, trong đó có Việt Nam.[1]

Ở Việt Nam việc vận dụng bảng mục lục tra cứu type và motif truyện cổ dân gian của Antti Aarne và Stith Thomps trong nghiên cứu truyện dân gian được rất nhiều các nhà nghiên cứu hưởng ứng và vận dụng. Việc vận dụng này tập trung theo một số hướng như sau:

(*) Trường Đại học Cần Thơ, email: ntnhung@ctu.edu.vn

2.1.1.1. Vận dụng để xây dựng bảng tra hoặc từ điển type và motif của truyện kể Việt Nam

Hướng nghiên cứu này căn cứ trên cơ sở phương pháp địa lý lịch sử mà Antti Aarne và Stith Thomps đã vận dụng để sưu tầm tất cả các bản kể và các dị bản của nó để sắp xếp những bản có đặc điểm cấu tạo giống nhau vào cùng một type truyện và đặt tên theo thứ tự nhất định từ A đến Z. Phương pháp này đã được rất nhiều nhà nghiên cứu Truyện kể dân gian Châu á, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vận dụng và đạt được những kết quả rất đáng trân trọng. Ở Việt Nam, tiêu biểu cho hướng vận dụng này có thể kể đến các nhà nghiên cứu như: Nguyễn Thị Hiền và Nguyễn Thị Huế. Tác giả Nguyễn Thị Hiền trong một nghiên cứu của mình đã khảo sát một trường hợp cụ thể đó là truyện cổ tích Tấm Cám, theo bà, truyện Tấm Cám của Việt Nam có tất cả 35 motif (trong đó có 20 motif có sẵn trong bảng danh mục của Antti Aarne và Stith Thomps và 15 motif do bà tìm ra). Bên cạnh đó bà cũng cho rằng phương thức này có thể vận dụng cho bất kỳ truyện cổ dân gian nào của Việt Nam. Mặc dù những motif mới mà bà tìm được chủ yếu được suy ra từ các motif lớn hơn nhưng cách khảo sát này góp phần định hướng cho rất nhiều nghiên cứu về truyện dân gian từ góc độ type và motif của các nhà nghiên cứu trẻ như chúng tôi. Gần đây, năm 2012, tác giả Nguyễn Thị Huế cũng đã biên soạn một Bảng mục lục tra cứu type và motif truyện dân gian Việt Nam, với mong muốn sẽ góp phần trong việc cung cấp tư liệu tra cứu các type truyện và motif truyện dân gian Việt Nam cho giới nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam nói riêng và những học giả nước ngoài quan tâm nghiên cứu đến truyện dân gian Việt Nam nói chung. Có thể xem quyển từ điển type và motif này là kim chỉ nam hết sức hữu dụng cho việc tra cứu và gọi tên các type truyện dân gian của Việt Nam. Tuy nhiên, những type và motif của truyện cổ tích thần kỳ Khmer được giới thiệu một cách khá khiêm tốn. Hy vọng sau khi hoàn thành nghiên cứu của mình, chúng tôi sẽ bổ sung thêm một số type và motif mới vào cuốn từ điển nêu trên.

2.1.1.2. Vận dụng để so sánh type và motif của truyện kể Việt Nam

Bên cạnh các công trình biên soạn, sắp xếp các truyện kể dân gian như trên, khuynh hướng nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian theo các hệ thống type, motif cũng đã được các nhà nghiên cứu folklore trên thế giới tiến hành. Hướng nghiên cứu này tập trung xác định các motif, đơn vị nền tảng cấu thành cốt truyện (là đơn vị hạt nhân, là thành phần có thể phân tích được hoặc có thể chỉ là một mẫu kể ngắn gọn, đơn giản, một sự việc gây ấn tượng...) của type truyện để tiến hành so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng về mặt cấu tạo, đồng thời căn cứ trên các dữ liệu về địa văn hóa, dân tộc học, ... để lý giải cho sự tương đồng và khác biệt đó. Nền tảng lý thuyết của hướng nghiên cứu này là phương pháp của trường phái Phần Lan (lập sơ đồ các type và motif của tất cả các dị bản truyện kể, sau đó tiến hành so sánh và lý giải căn cứ vào cứ liệu địa lý, lịch sử văn hóa hoặc lý giải cho sự dịch chuyển và biến đổi các motif trong quá trình lưu truyền trong cùng một vùng văn hóa hoặc từ vùng văn hóa này đến vùng văn hóa khác...). Tuy nghiên cứu type và motif truyện dân gian theo hướng so sánh này được khởi xướng khá muộn ở Việt Nam nhưng được rất nhiều nhà nghiên cứu về văn học dân gian Việt Nam nói chung và các nhà nghiên cứu về truyện kể dân gian nói riêng áp dụng. Tiêu biểu có các tác giả sau: Lê Chí Quế, Kiều Thu Hoạch, Nguyễn Tấn Đắc, Nguyễn Thị Hiền...

Giáo sư Lê Chí Quế là người là người có công trong việc giới thiệu phương pháp so sánh theo hướng này. Năm 1994, ông đã viết bài “Trường phái văn học dân gian Phần Lan - những nguyên tắc lý luận và khả năng ứng dụng” (Tạp chí Văn học, số 5/1994) để giới thiệu lý thuyết loại hình học của các nhà folklore Phần Lan và đưa ra những triển vọng về khả năng ứng dụng của nó ở Việt Nam. Ông cũng chính là người đầu

tiên đưa lý thuyết loại hình của trường phái Phần Lan vào nghiên cứu truyện cổ tích, truyền thuyết ở Việt Nam, đồng thời dựa vào lý thuyết loại hình học và thực tiễn ở Việt Nam để xác lập truyền thuyết như một thể loại độc lập của văn học dân gian Việt Nam. Nguyễn Thị Hiền cũng đã giới thiệu khá ngắn gọn và dễ hiểu quan niệm và phương pháp Aarne và Stith Thompson thực hiện trong bảng tra cứu type và motif truyện cổ dân gian, đồng thời tác giả cũng ứng dụng phương pháp này để xác định các motif trong truyện cổ tích Tấm Cám. Đi sâu và cụ thể hơn về phương pháp so sánh này có thể kể đến bài viết của Kiều Thu Hoạch về so sánh truyện Trầu cau ở Trung Quốc với type truyện cùng loại của Việt Nam và Campuchia, bàn về tục ăn trầu và văn hóa ăn trầu Đông Nam Á và các bài viết của Nguyễn Tấn Đắc giới thiệu bảng tra cứu AT và vận dụng lý thuyết type và motif trong nghiên cứu truyện Tấm Cám.

Hiện nay ở Việt Nam cũng có rất nhiều nhà nghiên cứu đã vận dụng phương pháp này như một chuyên khảo của Vũ Anh Tuấn, Nguyễn Bích Hà, Nguyễn Thị Huế, Trần Thị An... Đặc biệt, nhiều luận án, luận văn của các Nghiên cứu sinh và học viên cao học đã vận dụng lý thuyết type và motif của Antti Aarne và Stith Thompson làm nền tảng lý thuyết cho nghiên cứu của mình như: Đường Tiểu Thi, Park yeon Kwan, Lê Mai Thi Gia, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Lan Ngọc, Nguyễn Thị Nguyệt...

2.1.2. Vận dụng lý thuyết về cấu trúc chức năng của V.I.a. Propp để so sánh type và motif

Nền tảng lý thuyết theo hướng cấu trúc chức năng là thuyết của V.I.a. Propp về motif và lý thuyết chức năng của nhân vật được ông giới thiệu trong tác phẩm Hình thái học của truyện Cổ tích. Phản biện lại quan điểm của Veselosky về việc coi motif là đơn vị nhỏ nhất không thể chia tách được. V.I.a. Propp cho rằng, trong truyện cổ tích còn có những yếu tố nhỏ hơn motif và chúng không tồn tại theo một trật tự xác định mà mỗi motif có công thức cấu tạo riêng và thể phân chia thành nhiều thành phần nhỏ hơn và mỗi thành phần có thể cố định hoặc biến đổi tùy theo chức năng hành động của từng nhân vật và diễn biến của nội dung cốt kể (bài Những sự chuyển hóa của truyện cổ tích thần kỳ).

Những lý thuyết tiền đề nêu trên của Propp đã có những ảnh hưởng tích cực đến hướng nghiên cứu so sánh truyện cổ tích của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Trong quá trình so sánh giữa các type truyện với nhau, các nhà nghiên cứu thường dựa trên hành động của nhân vật, các sự kiện diễn ra trong cuộc đời của các nhân vật và diễn biến nội dung của câu chuyện để xác định các sơ đồ cấu tạo của cốt truyện và cấu tạo cụ thể của các motif để so sánh tìm ra sự tương đồng và khác biệt của các kiểu truyện.

Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu type và motif theo cấu trúc ở Việt Nam có thể kể đến một số tác như: Chu Xuân Diên, Nguyễn Thị Huế, Tăng Kim Ngân và một số nhà nghiên cứu trẻ như Phạm Tuấn Anh, La Mai Thi Gia.

Chu Xuân Diên, trong bài viết “Về cái chết của mẹ con dì ghẻ trong truyện Tấm Cám, đã vận dụng lý thuyết cấu trúc của Propp để phân tích cấu tạo của motif trừng phạt ở cuối truyện. Ông đã đưa ra những giả thuyết về sự kết hợp giữa yếu tố bất biến và thường biến có liên quan đến hành động của nhân vật trong motif trừng phạt và đưa ra sơ đồ cấu tạo của motif này cụ thể như sau: (1) Nhân vật thực hiện sự trừng phạt + (2) Hình thức trừng phạt + (3) Cái chết của nhân vật bị trừng phạt. Cách phân tích này giúp cho người đọc nhận thấy: Trong kiểu truyện Tấm Cám của Việt Nam và các nước DNA, tình tiết thứ (3) của motif trừng phạt luôn là cái chết (bất biến) còn hai tình tiết còn lại (1), (2) có thể thay đổi trong các truyện khác nhau (thường biến)

Nguyễn Thị Huế và Tăng Kim Ngân đều lần lượt cho ra đời các chuyên khảo vận dụng lý thuyết cấu trúc chức năng của Propp. Trong chuyên luận “Cổ tích thần kỳ

người Việt – Đặc điểm cấu tạo cốt truyện, Tăng Kim Ngân đã dành cả chương 1 để giới thiệu lý thuyết tiếp cận cốt truyện theo lý thuyết của Propp và chương 2 để phân tích cấu tạo của các kiểu truyện. Đây là tài liệu hết sức bổ ích cho những nhà nghiên cứu dự kiến tiếp cận các type truyện dân gian theo lý thuyết của Propp.

Luận án Tiến sỹ của Phạm Tuấn Anh và chuyên khảo của La Mai Thi Gia cũng sử dụng phương pháp tiếp cận này. Chúng tôi sẽ kế thừa và phát triển các thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước để tiến hành nghiên cứu của mình.

2.1.3. Vận dụng lý thuyết của thi pháp lịch sử của Veselovski và Meletinski để so sánh type và motif

Nếu như việc vận dụng lý thuyết của trường phái Phần Lan và lý thuyết cấu trúc của V.I.a. Propp giúp các nhà nghiên cứu xác định một cách khá chính xác tên gọi, cấu tạo và bước đầu giúp họ nhận diện ra sự tương đồng và khác biệt giữa các type và motif của truyện kể dân gian thì hướng nghiên cứu so sánh theo lý thuyết của trường phái thi pháp lịch sử mà đại diện là A.N.Veselovsky đã góp phần đưa việc so sánh type và motif truyện kể dân gian đến một bình diện rộng hơn và sâu sắc hơn, nghiên cứu chúng trong cả nguồn gốc sản sinh lẫn quá trình biến đổi và chuyển hóa để lý giải một cách trọn vẹn dựa trên các cơ liệu về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tín ngưỡng...

V.I.a. Propp với công trình “Những căn rễ của truyện cổ tích thần kỳ” (2003); E.E. Meletinsky với công trình “Nhân vật truyện cổ tích thần kỳ - nguồn gốc các hình tượng” (1958) là hai đại diện tiêu biểu cho việc áp dụng lý thuyết của trường phái lịch sử vào nghiên cứu của mình.

Ở Việt Nam, có rất nhiều công trình và bài báo ứng dụng phương pháp nghiên cứu so sánh lịch sử rất khả thi và đã vạch ra một hướng nghiên cứu mới cho các nhà nghiên cứu trẻ giống như chúng tôi. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này, đầu tiên có thể kể đến phần lý giải của Chu Xuân Diên về motif “chết do bị dội nước sôi” trong kiểu truyện Tấm Cám ở Việt Nam và các nước ĐNA có nguồn gốc từ nghi lễ thờ nước của xã hội thị tộc..., Nguyễn Thị Huế, khi nghiên cứu về nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam cũng đã đưa ra khá nhiều lý giải về nguồn gốc phong tục và tín ngưỡng của người mang lốt, Đinh Gia Khánh, Tăng Kim Ngân và một số Nghiên cứu sinh như La Mai Thi Gia, Nguyễn Thị Nguyệt cũng đã vận dụng hướng nghiên cứu này trong quá trình lý giải các vấn đề nghiên cứu của mình và đây cũng là phương pháp chúng tôi sẽ vận dụng.

2.2. Hướng nghiên cứu so sánh truyện Cổ tích thần kỳ người Việt và truyện Cổ tích thần kỳ của người Khmer Nam bộ từ góc độ type và motif

2.2.1. Hướng vận dụng tổng quát

Việc nghiên cứu về type và motif truyện trên thế giới cũng như Việt Nam đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Như chúng tôi đã trình bày ở mục (2.1). Quy trình tổng quát là tập hợp nhiều dị bản của một type truyện của các dân tộc rồi tiến hành so sánh, phân tích, tổng hợp để tìm ra sự tương đồng, sự khác biệt giữa chúng và bước đầu lý giải căn cứ trên những nét đặc trưng văn hóa, tôn giáo, phong tục... của mỗi dân tộc, mỗi vùng văn hóa để giúp chúng ta có một cách hoàn chỉnh hơn, chính xác hơn về diễn biến của truyện cũng như những biến đổi lịch sử của truyện. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu so sánh truyện Cổ tích thần kỳ người Việt và truyện Cổ tích thần kỳ của người Khmer Nam bộ từ góc độ type và motif, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu nội dung theo các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Vận dụng bảng tra cứu type và motif của Antti Aarne và Stith Thomps để khảo sát, thống kê, tổng hợp và phân loại tất cả các motif căn bản của hai type truyện: Người mang lốt và Dũng sỹ diệt yêu quái hệ trong hệ thống truyện cổ tích thần kỳ của người Việt và người Khmer mà chúng tôi lựa chọn để nghiên cứu.

Bước 2: Sau khi chúng tôi có được kết quả khảo sát các type và motif, chúng tôi sẽ vận dụng lý thuyết cấu trúc của V.I.a Propp để xây dựng các sơ đồ cấu tạo chi tiết cho các type truyện để tìm ra các type và motif tương đồng; các type và motif khác biệt và các type mới nảy sinh dựa trên motif truyền có sẵn (nếu có)

Bước 3: Vận dụng lý thuyết của các nhà thi pháp lịch sử, đặt hệ thống type và motif truyện vừa khảo sát được trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, địa lý tôn giáo, phong tục tín ngưỡng của vùng văn hóa mà chúng tồn tại để lý giải bản chất, nguyên nhân và cội nguồn của sự tương đồng và khác biệt của một số type và motif căn bản trong hệ thống truyện cổ tích thần kỳ của người Việt và người Khmer Nam bộ.

2.2.2. Vận dụng bảng tra cứu type và motif của Antti Aarne và Stith Thomps trong việc xác định các type và motif căn bản của truyện Cổ tích thần kỳ người Việt và truyện Cổ tích thần kỳ của người Khmer Nam bộ

Trong quá trình nghiên cứu so sánh hệ thống các truyện cổ tích thần kỳ của 2 dân tộc: Việt và Khmer, chúng tôi tiến hành khảo sát: 6 tài liệu có hệ thống truyện cổ tích thần kỳ của người Việt, 8 tài liệu có chứa truyện cổ tích thần kỳ của người Khmer Nam bộ. Vận dụng bảng tra cứu type và motif của Antti Aarne và Stith Thomps chúng tôi xác định: Người mang lốt và Dũng sỹ diệt yêu quái là 2 type truyện có số lượng nhiều nhất và nội hàm của mỗi type (biểu hiện cụ thể là các motif) truyện cũng chứa đựng rất nhiều những điều thú vị để làm cơ sở cho việc So sánh truyện cổ tích thần kỳ của Người Khmer và người Việt Nam bộ. Cụ thể 2 kiểu truyện nêu trên chứa đựng một số motif căn bản sau:

Bảng 1: Các motif căn bản của các type truyện

TT	Type	Motif
1	Người mang lốt	Motif câu cúng thần linh
		Motif sự thụ thai và sinh nở thần kỳ
		Motif người đội lốt
		Motif thử thách
		Motif tài năng của các nhân vật
		Motif kết hôn
		Motif trút bỏ lốt
		Motif tai họa và vượt qua tai họa
		Motif vật tài trợ
2	Dũng sỹ diệt yêu quái	Motif sự ra đời thần kì
		Motif dũng sỹ diệt rắn ác
		Motif dũng sỹ diệt đại bàng
		Motif đi xuống thủy cung
		Motif người cầm

		Motif tiếng đàn thần kỳ
		Motif chiến tranh giữa những người cầu hôn (chống chiến tranh xâm lược)
		Motif niêu cơm thần kỳ
		Motif kết hôn và lên ngôi

Việc xác định được một cách tương đối chính xác các type và motif căn bản nêu trên trong truyện cổ tích thần kỳ của hai dân tộc Việt và Khmer sẽ là cơ sở nền tảng giúp chúng tôi xác định cấu tạo, diện mạo của từng motif để tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa các type truyện của hai dân tộc: Việt (Kinh) và Khmer Nam bộ về các phương diện: Kết cấu (kết cấu tự sự của các type truyện của hai dân tộc, mức độ phức tạp, tính tầng lớp...), cốt truyện (cách thức triển khai cốt truyện dựa vào sự xuất hiện và tần số xuất hiện của các motif), nhân vật (nguồn gốc, các thử thách mà nhân vật vượt qua...) của hai type truyện: Dũng sỹ diệt yêu quái và Người mang lốt.

3. Kết luận

Xác định cơ sở lý thuyết là một nền tảng quan trọng trong quá trình tiếp cận nghiên cứu truyện kể dân gian nói chung và truyện cổ tích thần kỳ nói riêng. Hướng tiếp cận so sánh truyện cổ tích thần kỳ các dân tộc theo type và motif nêu trên đã và đang được các nhà nghiên cứu văn học dân gian áp dụng và đạt được nhiều thành tựu đáng trân trọng. Hướng tiếp cận này cũng rất hữu dụng trong nghiên cứu so sánh truyện cổ tích thần kỳ của người Việt và người Khmer Nam bộ mà chúng tôi đang thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị An (2007), “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - những khả năng và bất cập” Tạp chí văn học số 2.
- [2] Nguyễn Đồng Chi (1974-1982), Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, 5 tập, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
- [3] Chu Xuân Diên, “Về phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn hoá dân gian”, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>.
- [4] Nguyễn Tấn Đắc (Cb) (1983), Về bảng mục lục tra cứu các type và motif của truyện kể dân gian, Văn học dân gian, những phương pháp nghiên cứu, Nxb KHXH.
- [5] Nguyễn Tấn Đắc (1999), “Nghiên cứu truyện dân gian Đông Nam á bằng type và motif”, in trong Văn học dân gian các công trình nghiên cứu, Nxb Giáo dục, HN.
- [6] La Mai Thi Gia, (2011) “Quan niệm của trường phái thi pháp lịch sử về motif như là một đơn vị nghiên cứu truyện kể dân gian”, Thông báo văn hóa 2011-2012, Viện hàn lâm KHXHVN, Viện NCVH, NXB Tri thức.
- [7] La Mai Thi Gia, (2012) “Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lý thuyết và ứng dụng”, NXB Đại học Quốc gia HN.
- [8] Nguyễn Bích Hà (1998), Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ tích Việt Nam và Đông Nam á, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Thị Huế (1999), Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
- [10] Phạm Tiết Khánh (2007), “Diện mạo văn học Khmer dân gian Nam Bộ”, Tạp chí Văn hóa dân gian, (1), tr. 71
- [11] Nguyễn Xuân Kính chủ biên (2004), Tổng tập Văn học dân gian người Việt, tập 6, Truyện cổ tích thần kỳ, Nxb Khoa học Xã hội, HN.

- [12] Meletinsky.M.E (2004), Thi pháp của huyền thoại, Trần Nho Thìn - Song Mộc dịch, Nxb Giáo dục, HN.
- [13] Tăng Kim Ngân (1994), Truyện cổ tích thần kỳ người Việt - Đặc điểm cấu tạo cốt truyện, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
- [14] Nhiều tác giả (1990), Chuyện kể Khmer, NXB Giáo dục, HN.
- [15] Ngô Đức Thịnh – Frank Proschan (chủ biên) (2005), Folklore thế giới, một số thuật ngữ đương đại, Nxb Khoa học Xã hội, HN.
- [16] Huỳnh Ngọc Trảng (1983), Truyện cổ Khmer Nam Bộ, NXB Văn hóa, HN.
- [17] Huỳnh Ngọc Trảng (1987), Truyện dân gian Khmer, (2 tập), NXB Văn hóa Nghệ thuật Cửu Long.
- [18] Đỗ Bình Trị (2006), Truyện cổ tích thần kỳ Việt đọc theo hình thái học của truyện cổ tích của V.Ja.Propp, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- [19] Nhiều người dịch, (2003), “Tuyển tập V.Ia.Propp” tập 1, NXB Văn hoá dân tộc.
- [20] Nhiều người dịch, (2004), “Tuyển tập V.Ia.Propp” tập 2, NXB Văn hoá dân tộc.

TIẾNG ANH

- [21] Alan Dundes (2007), “From etic to emic units in the structural study of folktales”, *The meaning of folklore*, p.88-101, Edited and Introduced by Simon J.Bronner.
- [22] Antti Aarne, Stith Thompson (1973), *The Types of the Folklore-A classification and Bibliography*; Suomalainen Tiedekatemia Academia Scientiarum Fennica, Helsinki.
- [23] Stith Thompson (1977), *The folktale*, University of California press, Berkeley, Los Angeles, London.
- [24] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume one (A – C), Indiana University press; Blomington and Indianapolis.
- [25] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume two (D – E), Indiana University press; Blomington and Indianapolis.
- [26] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume three (F – H), Indiana University press; Blomington and Indianapolis.
- [27] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume four (I – K), Indiana University press; Blomington and Indianapolis.
- [28] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume five (L – Z), Indiana University press; Blomington and Indianapolis.
- [29] Stith Thompson (1958), *Motif - index of folk - literature*, Volume six, Indiana University press; Blomington and Indianapolis.